

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2020

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA
PHƯƠNG NAM

Báo cáo hợp nhất
Quý 2 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HOÁ PHƯƠNG NAM

Mẫu số B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (HỢP NHẤT)

Quý 2 Năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Quý II/2020	Quý II/2019	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm 2020	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm 2019
Doanh thu cung cấp hàng hóa và dịch vụ	01	7.1	98,907,337,432	169,866,220,516	217,579,450,481	317,999,554,247
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	7.2	716,091,444	1,650,033,137	1,319,896,479	2,981,966,894
Doanh thu thuần từ hàng hóa và dịch vụ	10		98,191,245,988	168,216,187,379	216,259,554,002	315,017,587,353
Giá vốn hàng bán	11	7.3	59,600,728,837	103,013,320,484	128,984,456,829	191,456,275,554
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		38,590,517,151	65,202,866,895	87,275,097,173	123,561,311,799
Doanh thu hoạt động tài	21	7.4	3,949,173,720	3,171,740,052	5,299,309,215	3,614,755,541
Chi phí tài chính	22	7.5	-	232,261,674	57,000	463,557,282
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
Lãi lỗ công ty liên kết	24		-	-	-	-
Chi phí bán hàng	25	7.8	43,557,735,994	53,850,714,298	95,956,302,413	107,761,241,192
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	7.8	5,024,884,521	7,693,591,380	11,183,338,995	14,706,353,063
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(6,042,929,644)	6,598,039,595	(14,565,292,020)	4,244,915,803
Thu nhập khác	31	7.6	830,429,187	745,347,027	934,216,019	2,971,837,499
Chi phí khác	32	7.7	378,462,718	3,617,863,942	767,372,927	5,387,766,076
Lợi nhuận khác	40		451,966,469	(2,872,516,915)	166,843,092	(2,415,928,577)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(5,590,963,175)	3,725,522,680	(14,398,448,928)	1,828,987,226
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	901,428,738	-	901,428,738
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		52,646,553	107,225,038	110,727,343	304,182,140
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(5,643,609,728)	2,716,868,904	(14,509,176,271)	623,376,348
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(5,643,609,728)	2,716,868,904	(14,509,176,271)	623,376,348
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62					
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		(523)	252	(1,344)	58
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

Lập biểu



Lê Thị Kim Sa

Kế toán trưởng



Phan Quốc Hưng

Ngày 29 tháng 07 năm 2020

Đại Diện Pháp Luật



Wõ Ngọc Xuân

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT)

Quý 2 Năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	30/6/2020	01/01/2020
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		421,653,905,386	380,492,488,034
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		80,146,480,700	84,758,047,562
1. Tiền	111	VI.1	21,146,480,700	24,558,047,562
2. Các khoản tương đương tiền	112		59,000,000,000	60,200,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		50,200,000,000	5,000,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		50,200,000,000	5,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		41,507,253,719	49,920,623,219
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.3a	17,237,603,133	20,460,625,928
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		10,298,946,991	11,587,313,214
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	VI.6a	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.4a	21,598,130,820	23,346,524,662
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(9,614,263,049)	(9,614,263,049)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	VI.5	1,986,835,824	4,140,422,464
IV. Hàng tồn kho	140		240,363,457,154	230,505,793,396
1. Hàng tồn kho	141	VI.7	257,289,980,677	247,443,261,253
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(16,926,523,523)	(16,937,467,857)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9,436,713,813	10,308,023,857
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.13a	1,772,982,245	2,400,803,306
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7,632,565,326	7,840,447,141
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	VI17b	31,166,242	66,773,410
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		69,571,565,908	80,140,878,821
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		9,030,358,767	12,269,911,350
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		495,976,522	625,336,522
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	VI.4b	8,534,382,245	11,644,574,828
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		53,137,347,275	58,091,922,841
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.9	52,569,722,275	57,924,422,841
- Nguyên giá	222		155,907,718,783	152,831,032,274
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(103,337,996,508)	(94,906,609,433)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.10	567,625,000	167,500,000
- Nguyên giá	228		4,623,623,910	4,184,873,910
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(4,055,998,910)	(4,017,373,910)
III. Bất động sản đầu tư	230	VI.12	-	-
- Nguyên giá	231		4,170,407,110	4,170,407,110

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	30/6/2020	01/01/2020
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(4,170,407,110)	(4,170,407,110)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		80,516,129	324,750,000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	VI.8	80,516,129	324,750,000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2,499,906,900	2,499,906,900
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2,499,906,900	2,499,906,900
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4,823,436,837	6,954,387,730
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.13b	3,638,083,793	5,658,307,342
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	VI.22	1,185,353,044	1,296,080,388
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		491,225,471,294	460,633,366,855
C – NỢ PHẢI TRẢ	300		338,403,637,883	293,302,357,173
I. Nợ ngắn hạn	310		333,539,157,097	288,410,118,187
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.15	269,608,759,202	236,121,133,751
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		457,500,349	851,115,316
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.17a	854,997,746	1,567,766,396
4. Phải trả người lao động	314		12,187,454,549	16,990,795,277
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.18	25,365,945,915	19,743,953,795
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	VI.20	3,039,860,893	2,223,860,829
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.19a	22,024,638,443	10,911,492,823
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.14a	-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		4,864,480,786	4,892,238,986
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	VI.19b	4,864,480,786	4,892,238,986
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	VI.14b	-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		152,821,833,411	167,331,009,682
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.23	152,821,833,411	167,331,009,682
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		110,402,410,000	110,402,410,000
-Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		110,402,410,000	110,402,410,000
-Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-

J.T
 CÔNG
 TỐP
 AN
 ON
 P. H

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	30/6/2020	01/01/2020
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24,738,460,046	24,738,460,046
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(2,616,000,640)	(2,616,000,640)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1,998,733,714	1,998,733,714
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18,298,230,291	32,807,406,562
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		32,807,406,562	32,807,406,562
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(14,509,176,271)	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		491,225,471,294	460,633,366,855

Ngày 29 tháng 07 năm 2020

Đại Diện Pháp Luật

Lập biểu

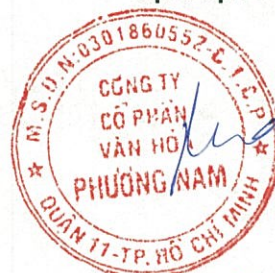
Kế toán trưởng



Lê Thị Kim Sa



Phan Quốc Hùng



Võ Ngọc Xuân

5050
TY
AN
HÓA
NAM
CH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (HỢP NHẤT)

(Theo phương pháp trực tiếp) ()*

Quý 2 Năm 2020

Mẫu số B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị : VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Quý II/2020	Quý II/2019	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm 2020	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm 2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	87,948,608,555	162,473,770,962	213,268,239,497	298,703,852,045
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(91,908,772,433)	(173,913,278,636)	(170,407,820,953)	(289,699,592,616)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(10,283,702,440)	(19,251,348,704)	(27,783,436,332)	(38,775,781,376)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	-	-	-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	81,659,872	(150,662,109)	(300,000,000)	(512,223,446)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	61,365,074,461	102,714,709,549	127,874,777,035	219,149,413,818
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(64,643,396,524)	(82,312,154,529)	(228,279,615,113)	(179,770,687,467)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(17,440,528,509)	(10,438,963,467)	(85,627,855,866)	9,094,980,958
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	-	-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	5,270,834	-	260,270,834
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	55,000,000,000	-	80,000,000,000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	465,470,124	367,978,487	1,016,289,004	787,361,069
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	55,465,470,124	373,249,321	81,016,289,004	1,047,631,903
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-	-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-	-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	38,024,941,615	(10,065,714,146)	(4,611,566,862)	10,142,612,864
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	42,121,539,085	72,783,565,324	84,758,047,562	52,575,238,317
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	80,146,480,700	62,717,851,178	80,146,480,700	62,717,851,178

Lập biểu



Lê Thị Kim Sa

Kế toán trưởng



Phan Quốc Hùng

Ngày 29 tháng 07 năm 2020

Đại Diện Pháp Luật



Võ Ngọc Xuân

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2020

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn.

Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002356 ngày 19 tháng 11 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 15 tháng 08 năm 2019.

Trụ sở Công ty được đặt tại số 940 đường 3/2, P.15, Q.11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 110.402.410.000 đồng.

Công ty có đầu tư vào 6 công ty con như được trình bày tại mục I.4 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn)

2. Lĩnh vực kinh doanh.

Lĩnh vực văn hóa.

3. Ngành nghề kinh doanh.

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Kinh doanh siêu thị, hàng tiêu dùng, sách báo, tạp chí văn hóa phẩm, băng hình, vật tư ngành ảnh, ngành in, đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất và kinh doanh các tác phẩm điện ảnh: phim nhựa, phim quảng cáo, các sản phẩm nghe nhìn và thực hiện các dịch vụ khác thuộc lĩnh vực điện ảnh;
- In ấn các loại sách báo, tạp chí, văn hóa phẩm, văn phòng phẩm, tem nhãn, bao bì các loại, giấy tờ quản lý kinh tế trên tất cả các chất liệu;
- Kinh doanh các dịch vụ thuộc ngành văn hóa thông tin: nhiếp ảnh, âm thanh, nhạc cụ, vẽ quảng cáo, thiết kế mỹ thuật, đánh máy, photocopy;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, nguyên liệu, thành phẩm và máy móc thiết bị có liên quan đến chức năng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Sản xuất các sản phẩm phục vụ nhu cầu học tập, văn hóa bằng tất cả các chất liệu;
- Dịch vụ: sửa chữa, bảo trì máy móc, công cụ do Công ty kinh doanh; giữ xe của khách hàng.
- Tổ chức biểu diễn thời trang, ca múa nhạc chuyên nghiệp;
- Cho thuê mặt bằng, văn phòng, nhà xưởng;
- Sản xuất và mua bán các loại sản phẩm nghe nhìn: băng đĩa nhạc, băng đĩa hình, băng đĩa phim truyện, phim hoạt hình, băng đĩa có nội dung sân khấu – ca nhạc và các loại băng đĩa có nội dung được phép lưu hành;
- Dịch vụ bảo hộ quyền tác giả;
- Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không kinh doanh tại trụ sở);
- Kinh doanh rạp chiếu phim;
- Dịch vụ quảng cáo thương mại.

4. Cấu trúc tập đoàn

- Tổng số các Công ty con:

+ Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 6

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2020

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con trực tiếp</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty TNHH MTV Sách Phương Nam		100%	100%
2.	Công ty TNHH MTV VPP Phương Nam		100%	100%
3.	Công ty TNHH MTV Phương Nam Phim		100%	100%
4.	Công ty TNHH MTV In Phương Nam		100%	100%
5.	Công ty TNHH Bán Lẻ Phương Nam		100%	100%
6.	Công ty TNHH Giải Trí-Truyền Thông Phương Nam		100%	100%

<u>STT</u>	<u>Tên công ty liên doanh, liên kết</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của Công ty</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty</u>
1.	Công ty Cổ phần Nhãn Hiệu Phương Nam	137 Lê Quang Định, P.14, Q.Bình Thạnh, TP HCM	50,00%	59,90%
2.	Công ty CP TT Bách Việt Phương Nam	Số 59 Trần Quốc Hoàn, Q.Tân Bình, TP HCM	30,67%	30,67%
(Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết đang tính theo vốn điều lệ, vốn thực góp đến thời điểm hiện nay thấp hơn vốn điều lệ do có cổ đông chưa góp đủ vốn)				
3.	Công ty CP Mega Phương Nam		32,00%	32,00%

<u>STT</u>	<u>Đầu tư khác</u>
	Công ty CP Sách & Thiết bị Trường học Sóc Trăng

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng.

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020.

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là nhật ký chung.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng.

1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam và báo cáo tài chính các công ty con được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2020

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản cho vay;
- Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;
 - Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
 - Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.
- Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác;
- Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho;

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho;

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2020

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Giá trị hàng tồn kho cuối năm được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho;

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

8. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo [phương pháp đường thẳng/ phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh/ phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm] trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 20 năm
+ Máy móc thiết bị	05 – 10 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	02 – 06 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
+ Tài sản cố định vô hình	02 -20 năm

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản. Nếu giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tối thiểu.

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

Chính sách khấu hao nhất quán với chính sách khấu hao của tài sản cùng loại thuộc sở hữu của Tập đoàn.

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ vào đặc thù từng loại chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2020

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả.

Ghi rõ ràng rành mạch theo từng đối tượng

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ
- Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Ghi nhận cổ tức
- Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông hàng năm.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

15. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Hàng tồn kho kê khai thường xuyên

17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.



CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2020

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các báo cáo thuế của các Công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với các báo cáo tài chính của các Công ty trong Tập đoàn.

20. Các nguyên tắc và phương pháp lập BCTC hợp nhất (chỉ thuyết minh những phương pháp kế toán có giao dịch phát sinh trong kỳ)

- a. Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn;
- b. Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát;
- c. Phương pháp kế toán ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con (thoái đầu tư trong các trường hợp không mất quyền kiểm soát, mất quyền kiểm soát, khi công ty con phát hành cổ phiếu riêng lẻ, hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung);
- d. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ;

1.0
C
C
V
1.0
P.M

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2020

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền	30/6/2020	01/01/2020
- Tiền mặt	983,833,046	1,110,515,079
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20,162,647,654	23,447,532,483
-Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	21,146,480,700	24,558,047,562
Chi tiết số dư loại tiền mặt	30/6/2020	01/01/2020
-Trụ sở chính	5,739,060	952,820
-Công ty Bán Lẻ Phương Nam	859,563,208	1,002,022,920
-Công ty Phương Nam Phim	107,567,000	86,047,500
-Công ty In Phương Nam	1,871,756	1,871,756
-Công ty Sách Phương Nam	3,237,847	8,765,908
-Công ty GT TT Phương Nam	5,854,175	10,854,175
Cộng	983,833,046	1,110,515,079
Chi tiết số dư loại tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	30/6/2020	01/01/2020
-Trụ sở chính	180,152,232	304,865,499
-Công ty Bán Lẻ Phương Nam	18,905,299,999	18,134,861,189
-Công ty Phương Nam Phim	810,676,877	4,792,961,361
-Công ty In Phương Nam	7,524,466	10,548,172
-Công ty Sách Phương Nam	254,686,874	202,981,614
-Công ty GT TT Phương Nam	4,307,206	1,314,648
Cộng	20,162,647,654	23,447,532,483
2. Các khoản đầu tư tài chính	30/6/2020	01/01/2020
- Đầu tư vào công ty con		
Giá gốc	192,126,120,497	192,126,120,497
+Công ty Bán Lẻ Phương Nam	116,000,000,000	116,000,000,000
+Công ty Phương Nam Phim	18,000,000,000	18,000,000,000
+Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	8,230,252,241	8,230,252,241
+Công ty In Phương Nam	895,868,256	895,868,256
+Công ty Sách Phương Nam	39,000,000,000	39,000,000,000
+Công ty GT TT Phương Nam	10,000,000,000	10,000,000,000
Dự phòng	126,309,803,369	112,626,673,817
+Công ty Bán Lẻ Phương Nam	54,165,344,653	40,498,090,177
+Công ty Phương Nam Phim	18,000,000,000	18,000,000,000
+Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	8,070,792,562	8,070,792,562
+Công ty In Phương Nam	327,760,488	324,736,782
+Công ty Sách Phương Nam	35,745,905,666	35,733,054,296
+Công ty GT TT Phương Nam	10,000,000,000	10,000,000,000
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	30/6/2020	01/01/2020
Giá gốc	16,436,000,000	16,436,000,000
+Công ty CP TT Bách Việt Phương Nam	2,500,000,000	2,500,000,000
+Công ty CP Mega Phương Nam	4,352,000,000	4,352,000,000
+Công ty CP Nhân Hiệu Phương Nam	9,584,000,000	9,584,000,000
Dự phòng	16,436,000,000	16,436,000,000
+Công ty CP TT Bách Việt Phương Nam	2,500,000,000	2,500,000,000
+Công ty CP Mega Phương Nam	4,352,000,000	4,352,000,000
+Công ty CP Nhân Hiệu Phương Nam	9,584,000,000	9,584,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2020

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

	30/6/2020	01/01/2020
Đầu tư khác	2,499,906,900	2,499,906,900
+ Công ty CP STB Trường học Sóc Trăng	2,499,906,900	2,499,906,900
3. Phải thu của khách hàng	30/6/2020	01/01/2020
- Trụ sở chính	1,811,518,743	1,838,030,788
- Công ty Bán Lẻ Phương Nam	11,823,380,587	15,109,794,854
- Công ty Phương Nam Phim	1,101,697,104	995,453,128
- Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	1,145,714,008	1,145,714,008
- Công ty In Phương Nam	969,612,978	969,612,978
- Công ty Sách Phương Nam	350,488,878	366,829,337
- Công ty GT TT Phương Nam	35,190,835	35,190,835
Cộng	17,237,603,133	20,460,625,928
	-	-
4. Phải thu khác	30/6/2020	01/01/2020
- Ký cược, ký quỹ;	9,591,062,278	6,267,396,224
- Tạm ứng	5,085,048,392	5,600,760,652
- Phải thu khác.	6,922,020,150	11,478,367,786
+ Trụ sở chính	777,842,130	251,877,456
+ Công ty Bán Lẻ Phương Nam	5,026,976,798	10,109,289,108
+ Công ty Phương Nam Phim	1,117,201,222	1,117,201,222
Cộng	21,598,130,820	23,346,524,662
	-	-
trong đó phải thu là bên liên quan		
+ Công ty CP nhân Hiệu Phương Nam	15,398,858	15,398,858
b) Dài hạn		
- Ký cược, ký quỹ;	8,534,382,245	11,644,574,828
+ Trụ sở chính	100,000,000	100,000,000
+ Công ty Bán Lẻ Phương Nam	8,434,382,245	11,544,574,828
Cộng	8,534,382,245	11,644,574,828
	-	-
5. Tài sản thiếu chờ xử lý :	30/6/2020	01/01/2020
Hàng tồn kho;		
+ Công ty Bán Lẻ Phương Nam	1,986,835,824	4,140,422,464
Cộng	1,986,835,824	4,140,422,464
	-	-
7. Hàng tồn kho:	30/6/2020	01/01/2020
a. Giá gốc:		
- Hàng đang đi trên đường;	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu;	1,673,097,297	1,702,448,618
- Công cụ, dụng cụ;	212,366,000	109,766,500
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang;	5,848,058,263	2,903,970,592
- Thành phẩm;	7,332,868,927	7,404,268,460
- Hàng hóa;	242,223,590,190	235,322,807,083
Cộng	257,289,980,677	247,443,261,253
	-	-
b. Dự phòng hàng tồn kho	30/6/2020	01/01/2020
- Hàng hóa;	16,926,523,523	16,937,467,857
Trong đó:	-	-
+ Công ty Bán Lẻ Phương Nam	274,567,724	274,567,724
+ Công ty Phương Nam Phim	2,498,578,178	2,509,522,512

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2020

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

+ Công ty Sách Phương Nam	14,153,377,621	14,153,377,621
8. Tài sản dở dang dài hạn	30/6/2020	01/01/2020
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Công ty Bán Lễ Phương Nam	80,516,129	324,750,000
Cộng	80,516,129	324,750,000

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Máy móc quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	123,988,585,646	5,720,873,376	1,525,413,574	21,596,159,678	152,831,032,274
- Mua trong năm	3,173,928,509	-	-	-	3,173,928,509
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(80,847,600)	(80,847,600)
- Giảm khác	(16,394,400)	-	-	-	(16,394,400)
Số dư cuối năm	127,146,119,755	5,720,873,376	1,525,413,574	21,515,312,078	155,907,718,783
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	71,899,271,043	5,165,664,072	1,516,607,372	16,325,066,946	94,906,609,433
- Khấu hao trong năm	7,478,192,216	219,262,965	30,337,401	784,442,093	8,512,234,675
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(80,847,600)	(80,847,600)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	79,377,463,259	5,384,927,037	1,546,944,773	17,028,661,439	103,337,996,508
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu năm	52,089,314,603	555,209,304	8,806,202	5,271,092,732	57,924,422,841
- Tại ngày cuối năm	47,768,656,496	335,946,339	(21,531,199)	4,486,650,639	52,569,722,275

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	-	811,603,151	3,373,270,759	4,184,873,910
- Mua trong năm	-	-	438,750,000	438,750,000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	811,603,151	3,812,020,759	4,623,623,910
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	811,603,151	3,205,770,759	4,017,373,910
- Khấu hao trong năm	-	-	38,625,000	38,625,000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	811,603,151	3,244,395,759	4,055,998,910
Giá trị còn lại				
- Tại ngày đầu năm	-	-	167,500,000	167,500,000
- Tại ngày cuối năm	-	-	567,625,000	567,625,000

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2020

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư:

Khoản mục	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Nguyên giá	4,170,407,110	-	-	4,170,407,110
- Quyền sử dụng đất				-
- Nhà	4,170,407,110	-	-	4,170,407,110
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	4,170,407,110	-	-	4,170,407,110
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	4,170,407,110	-	-	4,170,407,110
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị còn lại	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

13. Chi phí trả trước

	30/6/2020	01/01/2020
a) Ngắn hạn		
- Trữ sở chính	25,949,838	34,037,483
- Công ty Bán Lê Phương Nam	1,701,881,306	2,352,906,770
- Công ty Phương Nam Phim	42,981,934	11,689,887
- Công ty Sách Phương Nam	2,169,167	2,169,166
Cộng	1,772,982,245	2,400,803,306
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;	105,277,578	338,273,209
- Các khoản khác.	1,667,704,667	2,062,530,097
b) Dài hạn		
- Trữ sở chính	35,774,087	45,127,046
- Công ty Bán Lê Phương Nam	3,529,467,148	5,533,595,577
- Công ty Phương Nam Phim	43,615,526	38,184,466
- Công ty Sách Phương Nam	29,227,032	41,400,253
Cộng	3,638,083,793	5,658,307,342
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;	1,205,655,021	1,957,003,701
- Các khoản khác	2,432,428,772	3,701,303,641

15. Phải trả người bán

	30/6/2020	01/01/2020
Các khoản phải trả người bán		
- Trữ sở chính	763,565,641	354,476,844
- Công ty Bán Lê Phương Nam	259,758,958,145	225,435,064,423
- Công ty Phương Nam Phim	3,986,642,289	4,704,543,039
- Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	24,170,000	24,170,000
- Công ty In Phương Nam	30,908,561	30,908,561
- Công ty Sách Phương Nam	4,457,428,800	4,984,885,118
- Công ty GT-TT Phương Nam	587,085,766	587,085,766
Cộng	269,608,759,202	236,121,133,751

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2020

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Các bên liên quan:		-	-
	40,182,729		40,182,729
- Công ty CP Nhân Hiệu Phương Nam	12,170,000		12,170,000
- Công ty mega Phương nam	28,012,729		28,012,729
+Trả trước người bán là các bên liên quan			
- Công ty CP Nhân Hiệu Phương Nam	2,545,329,604		2,545,329,604
	30/6/2020		01/01/2020
17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước			
a) Phải nộp			
- Thuế giá trị gia tăng	510,261,851		939,434,553
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	84,083,952		381,659,872
- Thuế thu nhập cá nhân	244,991,155		240,634,771
- Các loại thuế khác	15,660,788		6,037,200
Cộng	854,997,746		1,567,766,396
b) Phải thu			
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	27,958,230		63,565,398
- Các loại thuế khác	3,208,012		3,208,012
Cộng	31,166,242		66,773,410
18. Chi phí phải trả			
	30/6/2020		01/01/2020
Ngắn hạn			
- Trữ sở chính	430,597,792		503,179,109
- Công ty Bán Lẻ Phương Nam	12,223,337,546		5,972,402,719
- Công ty Phương Nam Phim	11,559,339,845		12,351,658,894
- Công ty Sách Phương Nam	1,050,773,258		814,815,599
- Công ty TNHH GT-TT Phương Nam	101,897,474		101,897,474
Cộng	25,365,945,915		19,743,953,795
19. Phải trả khác			
	30/6/2020		01/01/2020
a) Ngắn hạn			
- Tài sản thừa chờ giải quyết;	1,994,218,231		2,225,587,847
- Kinh phí công đoàn;	768,527,632		559,081,864
- Bảo hiểm xã hội;	871,172,111		118,933,362
- Bảo hiểm y tế;	5,895,000		-
- Bảo hiểm thất nghiệp;	70,238,590		18,560,790
-- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn;	1,696,723,360		1,696,723,360
- Các khoản phải trả khác.	16,617,863,519		6,292,605,600
Cộng	22,024,638,443		10,911,492,823
Các khoản phải trả khác:			
+ Công ty CP Nhân Hiệu Phương Nam	567,450		567,450
+ Khác	16,617,296,069		6,292,038,150
Cộng	16,617,863,519		6,292,605,600
b) Dài hạn:			
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4,864,480,786		4,892,238,986
- Phải trả khác	-		-
	4,864,480,786		4,892,238,986
Trong đó			

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2020

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn:

+Trụ sở chính	-	-
+Công ty Bán Lẻ Phương Nam	1,000,000,000	1,000,000,000
+Công ty Phương Nam Phim	3,864,480,786	3,892,238,986
Cộng	4,864,480,786	4,892,238,986

20. Doanh thu chưa thực hiện

	30/6/2020	01/01/2020
-Công ty Bán Lẻ Phương Nam	3,039,860,893	2,223,860,829
Cộng	3,039,860,893	2,223,860,829

22. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:	30/6/2020	01/01/2020
-Trụ sở chính	1,070,544,686	1,181,272,030
-Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	114,808,358	114,808,358
Cộng	1,185,353,044	1,296,080,388

75
TY
AN
GA
N
55

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2020

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

23. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu Quỹ	Vốn khác của chủ sở hữu	LNST thuế chưa phân phối và các quỹ	Các khoản mục khác	Cộng
Số dư đầu năm trước	110,402,410,000	24,738,460,046	(2,616,000,640)	1,998,733,714	40,408,148,828	(21,598,702,000)	153,333,049,948
Tăng vốn trong năm trước							-
Lãi trong năm trước					13,997,959,734		13,997,959,734
Tăng khác năm trước					-		-
Giảm vốn trong năm trước							-
Lỗ trong năm trước					-		-
Giảm khác năm trước							-
Số dư đầu năm nay	110,402,410,000	24,738,460,046	(2,616,000,640)	1,998,733,714	54,406,108,562	(21,598,702,000)	167,331,009,682
Tăng vốn trong năm nay							-
Lãi trong năm nay					-		-
Tăng khác năm nay					-		-
Giảm vốn trong năm nay							-
Lỗ trong năm nay					14,509,176,271		14,509,176,271
Giảm khác năm nay							-
Số dư cuối năm này	110,402,410,000	24,738,460,046	(2,616,000,640)	1,998,733,714	39,896,932,291	(21,598,702,000)	152,821,833,411

Cổ phiếu

	30/6/2020	01/01/2020
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11,040,241	11,040,241
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11,040,241	11,040,241
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	(240,890)	(240,890)
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10,799,351	10,799,351

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 VND/ cổ phần

Các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển;	1,998,733,714	1,998,733,714
--------------------------	---------------	---------------

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2020

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

27. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

	30/6/2020	01/01/2020
Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi	2,152,540,894	4,056,987,724
Ngoại tệ các loại	1,100.69	1,050.69

28. Các thông tin khác do doanh nghiệp tự thuyết minh, giải trình.

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Quý II/2020	Quý II/2019
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
+ Hàng hóa	96,817,240,883	166,959,366,149
+ Dịch vụ	2,090,096,549	2,906,854,367
+ Khác	-	-
	98,907,337,432	169,866,220,516
	-	-
-Trụ sở chính	440,544,642	911,641,734
-Công ty Bán Lẻ Phương Nam	97,433,335,230	168,246,367,520
-Công ty Phương Nam Phim	632,453,827	504,810,455
-Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	-	1,442,654
-Công ty Sách Phương Nam	401,003,733	201,958,153
Cộng	98,907,337,432	169,866,220,516
	-	-
	-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Hàng bán bị trả lại;	716,091,444	1,650,033,137
	716,091,444	1,650,033,137
	-	-
Trong đó:		
-Trụ sở chính	-	-
-Công ty Bán Lẻ Phương Nam	616,440,307	1,417,468,637
-Công ty Phương Nam Phim	99,651,137	224,224,500
-Công ty Sách Phương Nam	-	8,340,000
Cộng	716,091,444	1,650,033,137
	-	-
Doanh thu thuần		
+ Hàng hóa	96,101,149,439	165,309,333,012
+ Dịch vụ	2,090,096,549	2,906,854,367
+ Khác	-	-
	98,191,245,988	168,216,187,379
	-	-
+ Trong đó:		
-Trụ sở chính	440,544,642	911,641,734
-Công ty Bán Lẻ Phương Nam	96,717,243,786	166,755,772,383
-Công ty Phương Nam Phim	632,453,827	353,712,455
-Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	-	1,442,654
-Công ty Sách Phương Nam	401,003,733	193,618,153
Cộng	98,191,245,988	168,216,187,379
	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2020

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

	Quý II/2020	Quý II/2019
3. Giá vốn hàng bán		
+ Hàng hóa	58,409,924,807	101,321,040,019.0
+ Dịch vụ	1,201,748,364	1,702,135,873.0
+ Khác	(10,944,334)	(9,855,408.0)
	59,600,728,837	103,013,320,484
		-
	Quý II/2020	Quý II/2019
-Trụ sở chính	133,093,776	717,533,458
-Công ty Bán Lê Phương Nam	58,933,531,715	101,874,838,511
-Công ty Phương Nam Phim	260,941,561	(2,666,642)
-Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	-	101,656,393
-Công ty Sách Phương Nam	273,161,785	321,958,764
Cộng	59,600,728,837	103,013,320,484
	-	-
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Quý II/2020	Quý II/2019
-Trụ sở chính	44,785,179	54,483,747
-Công ty Bán Lê Phương Nam	3,892,030,763	3,072,025,669
-Công ty Phương Nam Phim	12,266,350	42,351,894
-Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	-	78,433
-Công ty In Phương Nam	1,896	23,759
-Công ty Sách Phương Nam	88,104	2,775,392
-Công ty GTTT Phương Nam	1,428	1,158
Cộng	3,949,173,720	3,171,740,052
	-	-
+ Trong đó:		
- Lãi tiền gửi	1,465,528,609	368,131,956
-Lãi bán các khoản đầu tư;	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia;	-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá;	-	3,305,302
- Chiết khấu thanh toán	2,483,645,111	2,800,302,794
- Doanh thu hoạt động tài chính khác.	-	-
Cộng	3,949,173,720	3,171,740,052
	-	-
5. Chi phí tài chính		
	Quý II/2020	Quý II/2019
-Công ty Bán Lê Phương Nam	-	230,941,674
-Công ty Sách Phương Nam	-	1,320,000
Cộng	-	232,261,674
	-	-
+ Trong đó:		
- Chiết khấu thanh toán	-	230,869,374
- Lỗ chênh lệch tỷ giá;	-	1,320,000
- Chi phí tài chính khác.	-	72,300
Cộng	-	232,261,674
	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2020

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

	Quý II/2020	Quý II/2019
6. Thu nhập khác		
-Trụ sở chính	636,387	4,797,467
-Công ty Bán Lẻ Phương Nam	828,731,835	739,097,207
-Công ty Phương Nam Phim	-	25,759
-Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	-	4,394
-Công ty Sách Phương Nam	1,060,965	1,422,200
Cộng	830,429,187	745,347,027
	-	-
+ Trong đó:		
-Thanh lý HH, TSCĐ,CCDC	9,572,727	13,680,758
-Tiền phạt thu được	-	7,567,450
-Hỗ trợ khác NCC	744,485,729	114,534,465
-Các khoản khác	28,927,047	19,831,626
-Công nợ không đòi	807,320	-
-Thu nhập hàng hóa hư hỏng	-	8,750,909
-Mặt bằng	46,636,364	580,981,819
Cộng	830,429,187	745,347,027
	-	-
7. Chi phí khác		
-Trụ sở chính	146,000,000	110,485,667
-Công ty Bán Lẻ Phương Nam	232,429,663	3,274,939,569
-Công ty Phương Nam Phim	165	56,798,765
-Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	-	24,245,541
-Công ty In Phương Nam	-	34,185,999
-Công ty Sách Phương Nam	32,890	117,208,401
Cộng	378,462,718	3,617,863,942
	-	-
- Thanh lý TSCĐ,CCDC,hàng hóa hư	9,659,093	831,598,602
- Các khoản phạt, truy thu thuế, hành chính..	1,056,518	1,071,158,953
- Các khoản khác.	367,747,107	1,715,106,387
+Thủ lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát	144,000,000	108,000,000
+Trợ cấp gia đình chính sách	2,000,000	1,500,000
+Chi phí thiệt hại hàng hóa hư hỏng	-	24,245,541
+Chi phí đóng cửa	208,333,332	1,419,574,987
+Khác	13,413,775	161,785,859
Cộng	378,462,718	3,617,863,942
	-	-
8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Quý II/2020	Quý II/2019
Chi phí bán hàng:		
-Trụ sở chính	-	-
-Công ty Bán Lẻ Phương Nam	43,293,503,463	53,637,236,519
-Công ty Phương Nam Phim	221,119,446	210,512,779
-Công ty Sách Phương Nam	43,113,085	2,965,000
Cộng	43,557,735,994	53,850,714,298
	-	-
+ Trong đó:		
Chi phí nhân viên	13,085,893,933	21,604,358,805
Chi phí vật liệu, bao bì	291,606,462	537,784,616
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	358,688,546	873,116,519
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4,360,102,383	3,892,573,660

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2020

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Thuế ,lệ phí	1,559,994	2,499,994
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21,751,850,191	24,992,619,194
Chi phí khác bằng tiền.	3,708,034,485	1,947,761,510
Cộng	43,557,735,994	53,850,714,298
	-	-
	Quý II/2020	Quý II/2019
Chi phí quản lý:		
-Trụ sở chính	1,084,788,826	1,888,775,327
-Công ty Bán Lẻ Phương Nam	2,582,593,866	4,488,432,408
-Công ty Phương Nam Phim	505,770,727	609,557,611
-Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	-	15,000
-Công ty In Phương Nam	-	346,120
-Công ty Sách Phương Nam	851,731,102	701,630,339
-Công ty GT TT Phương Nam	-	4,834,575
Cộng	5,024,884,521	7,693,591,380
	-	-
+ Trong đó:		
Chi phí nhân viên quản lý	2,621,609,052	5,003,282,569
Chi phí vật liệu, bao bì quản lý	-	77,000
Chi phí đồ dùng văn phòng	152,006,641	173,379,058
Chi phí khấu hao tài sản cố định	137,162,044	72,203,708
Thuế ,lệ phí	5,990,428	22,722,504
Dự phòng nợ	-	278,708,273
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,247,760,270	1,238,413,271
Chi phí khác bằng tiền.	860,356,086	904,804,997
Cộng	5,024,884,521	7,693,591,380
	-	-

IX. Những thông tin khác

3. Thông tin về các bên liên quan

Tên công ty

+ Công ty Bán Lẻ Phương Nam	Công ty con
+ Công ty Phương Nam Phim	Công ty con
+ Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	Công ty con
+ Công ty In Phương Nam	Công ty con
+ Công ty Sách Phương Nam	Công ty con
+ Công Ty GT-TT Phương Nam	Công ty con
+ Công ty Mega Phương Nam	Công ty liên kết
+ Công ty CP Nhân Hiệu Phương Nam	Công ty liên kết
+ Công ty CP TT Bách Việt Phương Nam	Công ty liên kết
+ Công ty CP STB Trường học Sóc Trăng	Đầu tư khác

Số dư công nợ các bên liên quan

Công ty
a). Công ty CP VH Phương Nam

	Quan hệ	Nội dung	Trị giá (VND)
+ Công ty Bán Lẻ Phương Nam	Công ty con	.	.
		Phải thu thương mại	61,499,368,026
		Phải trả thương mại	413,560,499
		Phải thu khác	1,518,700,000
+ Công ty Phương Nam Phim	Công ty con	.	.
		Phải thu thương mại	4,557,448,644
		Phải trả thương mại	1,208,300

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2020

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

+ Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	Công ty con	.	-
		Phải trả khác	62,399,131
+ Công ty In Phương Nam	Công ty con	.	-
		Phải thu khác	43,903,493
+ Công ty Sách Phương Nam	Công ty con	.	-
		Phải thu thương mại	5,098,999,627
		Phải thu khác	14,714,840,041
			-
b). Công ty TNHH Bán Lẻ Phương Nam			-
+ Công ty CPVH Phương Nam	Công ty Mẹ	.	.
		Phải trả thương mại	61,500,068,026
		Phải thu khác	413,560,499
		Phải trả khác	1,518,000,000
+ Công ty Phương Nam Phim	Cùng tập đoàn	.	-
		Phải thu thương mại	12,430,000
		Phải trả thương mại	2,587,491,438
+ Công ty In Phương Nam	Cùng tập đoàn	.	-
		Phải trả thương mại	2,885,002
+ Công ty Sách Phương Nam	Cùng tập đoàn	.	-
		Phải thu thương mại	30,869,205
		Phải trả thương mại	10,059,877,405
		Phải thu khác	2,765,000
		Phải trả khác	300,000
			-
c) Công ty TNHH Một TV Phương Nam Phim			-
+ Công ty CPVH Phương Nam	Công ty Mẹ	.	.
		Phải thu thương mại	1,208,300
		Phải trả thương mại	4,557,448,644
+ Công ty Bán Lẻ Phương Nam	Cùng tập đoàn	.	-
		Phải thu thương mại	2,532,994,236
		Phải trả thương mại	12,430,000
		Phải thu khác	54,497,202
+ Công ty In Phương Nam	Cùng tập đoàn	.	-
		Phải trả thương mại	158,400,000
+ Công ty Sách Phương Nam	Cùng tập đoàn	.	-
		Phải thu thương mại	93,917,249
		Phải thu khác	17,538,889
			-
d) Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam			-
+ Công ty CPVH Phương Nam	Công ty Mẹ	.	.
		Phải thu khác	62,399,131
e) Công ty In Phương Nam			-
+ Công ty CPVH Phương Nam	Công ty Mẹ	.	.
		Phải trả khác	43,903,493
+ Công ty Bán Lẻ Phương Nam	Cùng tập đoàn	.	-
		Phải thu thương mại	2,885,002
+ Công ty Phương Nam Phim	Cùng tập đoàn	.	-
		Phải thu thương mại	158,400,000
+ Công ty Sách Phương Nam	Cùng tập đoàn	.	-
		Phải thu khác	472,524,711
f) Công ty Sách Phương Nam			-
			18

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2020

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

+ Công ty CPVH Phương Nam	Công ty Mẹ	.	.
		Phải thu thương mại	857,498
		Phải trả thương mại	5,098,999,627
		Phải trả khác	14,715,697,539
+ Công ty Bán Lẻ Phương Nam	Cùng tập đoàn	.	-
		Phải thu thương mại	10,059,877,405
		Phải trả thương mại	30,869,205
		Phải thu khác	300,000
		Phải trả khác	2,765,000
+ Công ty Phương Nam Phim	Cùng tập đoàn	.	-
		Phải trả thương mại	111,456,138
+ Công ty In Phương Nam	Cùng tập đoàn	.	-
		Phải trả thương mại	227,752,689
		Phải trả khác	244,772,022
g) Công ty GT-TT Phương Nam			
+ Công ty CPVH Phương Nam	Công ty Mẹ	.	.
		Phải trả thương mại	601,448,802
		Phải trả khác	3,545,046,515
		Phải trả tiền vay	17,849,972,365
+ Công ty Phương Nam Phim	Cùng tập đoàn	.	-
		Phải trả khác	52,363,636



CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Quý 2 năm 2020

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận
 Kỳ kế toán đến 30/6/2019

	Đơn vị tính: triệu đồng								
	Kinh doanh PNC	Bán lẻ	SXKD phim, băng đĩa	SXKD văn phòng phẩm	In, thiết kế	Phát hành sách	Truyền thông	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu									
Từ khách hàng bên ngoài	1,001	310,438	3,330	1	34	213			315,018
Giữa các bộ phận	6,031	323	131	97	8	6,732		-13,321	
Tổng cộng	7,031	310,762	3,461	98	41	6,945		-13,321	315,018
Kết quả hoạt động kinh doanh									
Kết quả của bộ phận	18,825	-794	-724	-127	-41	-153		-18,293	-1,322
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	18,825	-794	-724	-127	-41	-153		-18,293	
Thu nhập tài chính	1,542	3,678	72			3		-1,681	3,615
Chi phí tài chính	30,549	1,897				1		31,984	464
Thu nhập từ công ty liên kết									
Lợi nhuận sau thuế	-10,182	153	-652	-127	-67	-193	-15	11,706	623
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	-10,182	153	-652	-127	-67	-193	-15	11,706	623
Các khoản mục bất thường	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	-10,182	153	-652	-127	-67	-193	-15	11,706	623
Các thông tin khác									
Tài sản của bộ phận	155,486	404,194	21,611	283	817	30,932	500	-161	452,785
Công ty liên kết									
Tài sản không phân bổ									
Tổng tài sản hợp nhất	155,486	404,194	21,611	283	817	30,932	500	-161	452,785
Nợ phải trả của bộ phận	4,450	342,989	26,190	123	245	27,491	22,749	-125,408	298,829
Nợ phải trả không phân bổ	994	76,983	4,500	98	197	20,587	22,049	125,408	
Tổng nợ phải trả hợp nhất	3,456	266,007	21,690	25	48	6,904	700		298,829
Chi phí mua sắm tài sản		15,140							15,140
Chi phí khấu hao	112	11,261				5	7	-836	10,549

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2020

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Kỳ kế toán đến 30/6/2020		Đơn vị tính: triệu đồng							
	Kinh doanh PNC	Bán lẻ	SXKD phim, băng đĩa	SXKD văn phòng phẩm	In, thiết kế	Phát hành sách	Truyền thông	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu									
Từ khách hàng bên ngoài	886	213,291	1,642			440			216,260
Giữa các bộ phận	5,239	419	534			5,527		-11,719	
Tổng cộng	6,126	213,710	2,176			5,967		-11,719	216,260
Kết quả hoạt động kinh doanh									
Kết quả của bộ phận	-4,192	-18,847	-331		-3	-13	-2	3,690	-19,698
Chi phí không phân bổ									
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	-4,192	-18,847	-331		-3	-13	-2	3,690	-19,698
Thu nhập tài chính	97	5,179	23						5,299
Chi phí tài chính	13,683							13,683	
Thu nhập từ công ty liên kết									
Thuế thu nhập doanh nghiệp									
Lợi nhuận sau thuế	-17,779	-13,667	-308		-3	-13	-2	17,263	-14,509
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-		-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	-17,779	-13,667	-308		-3	-13	-2	17,263	-14,509
Các khoản mục bất thường	-	-	-		-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	-17,779	-13,667	-308		-3	-13	-2	17,263	-14,509
Các thông tin khác									
Tài sản của bộ phận	149,092	445,201	19,994	184	660	30,199	495	-155	491,225
Tổng tài sản hợp nhất	149,092	445,201	19,994	184	660	30,199	495	-155	491,225
Nợ phải trả của bộ phận	4,130	383,366	24,527	25	92	26,945	22,749	-123,429	338,404
Nợ phải trả không phân bổ	477	75,669	4,728		44	20,462	22,049	123,429	
Tổng nợ phải trả hợp nhất	3,653	307,697	19,799	25	48	6,483	700		338,404
Chi phí mua sắm tài sản		3,613							3,613
	43	9,275				4		-770	8,551
Chi phí khấu hao									

Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Tập đoàn hoàn toàn tại Việt Nam. Do đó, không có sự khác biệt về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần phải thuyết minh

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2020

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5. Thông tin so sánh

Tài sản tài chính

	30/6/2020	01/01/2020
Tiền và các khoản tương đương tiền	80,146,480,700	84,758,047,562
Phải thu khách hàng và phải thu khác	47,370,116,198	55,451,725,418
Khoản đầu tư tài chính	50,200,000,000	5,000,000,000
Tài sản tài chính khác	18,125,444,523	17,884,672,223
Tổng cộng	195,842,041,421	163,094,445,203

Công nợ tài chính

Các khoản vay	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	296,497,878,431	251,924,865,560
Chi phí phải trả	25,365,945,915	19,743,953,795
Tổng cộng	321,863,824,346	271,668,819,355

Lập biểu

Lê Thị Kim Sa

Kế toán trưởng

Phan Quốc Hùng

Ngày 29 tháng 07 năm 2020

Đại diện pháp luật



Võ Ngọc Xuân